CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sông Đà 6

Ngày 30/09/2025	2,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**4.3%**	**-**

DT thuần
Q3/25
4.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.47| 11.9%
YoY: ▼26.5| -85.6%

LN thuần
Q3/25
-7.98
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.20| -17.7%
YoY: ▼21.3| -160%

LN sau thuế
Q3/25
-9.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.46| -60.5%
YoY: ▼21.2| -176%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-86.0%
YoY: +/-▼ 95.5%

ROE (TTM)
Q3/25
-36.0%
YoY: +/-▼ 13.8%

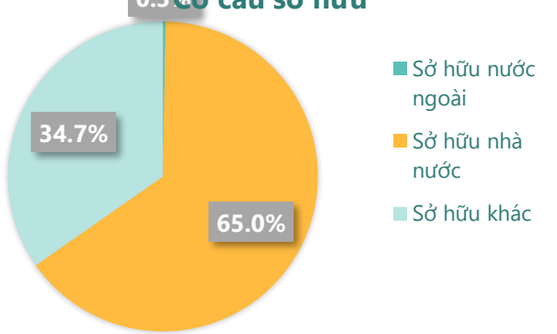
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,300 - 3,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	83
Số lượng CPLH (CP)	34,771,611
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,075
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.44
EPS	-1,575
P/E	-1.5

DT thuần
9T 2025
28.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼59.8| -67.5%

LN thuần
9T 2025
-55.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼56.6| -5039%

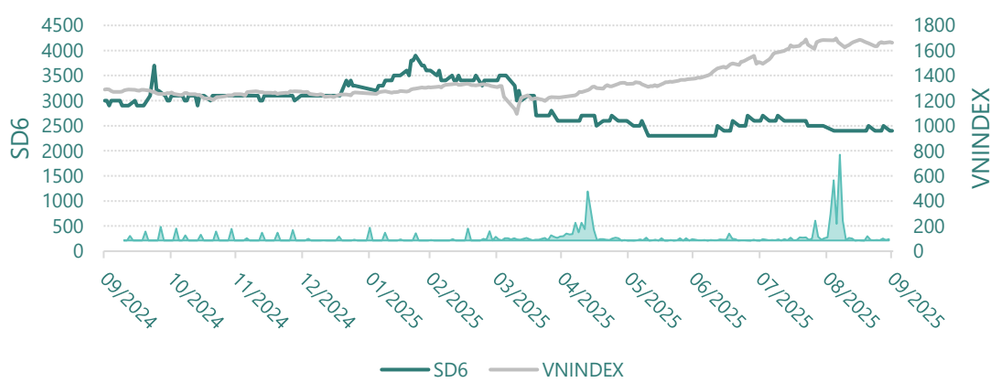
LN sau thuế
9T 2025
-55.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼55.1| -65866%

Cơ cấu sở hữu

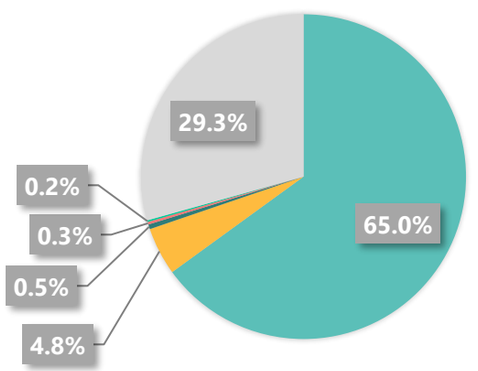


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



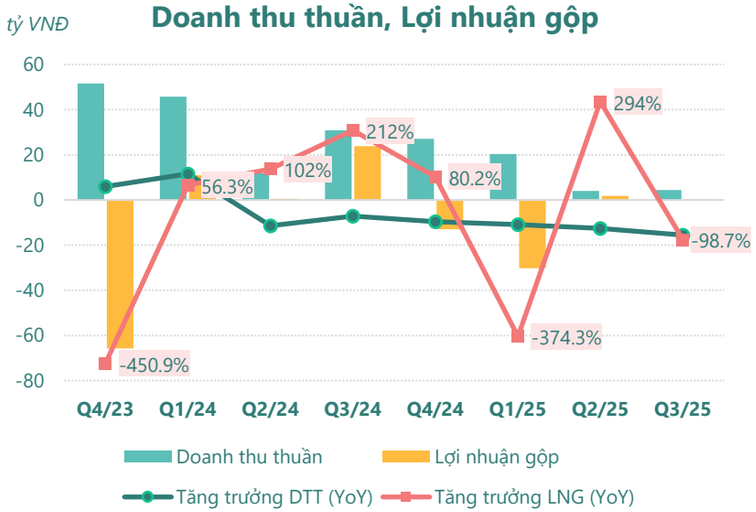
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

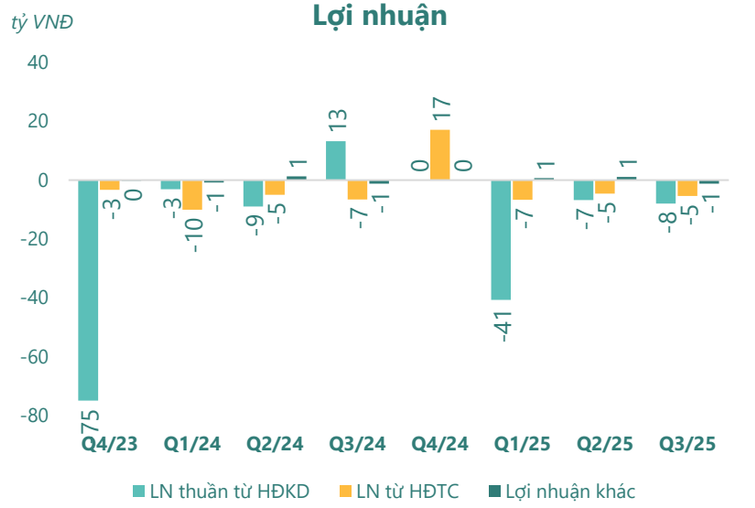
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



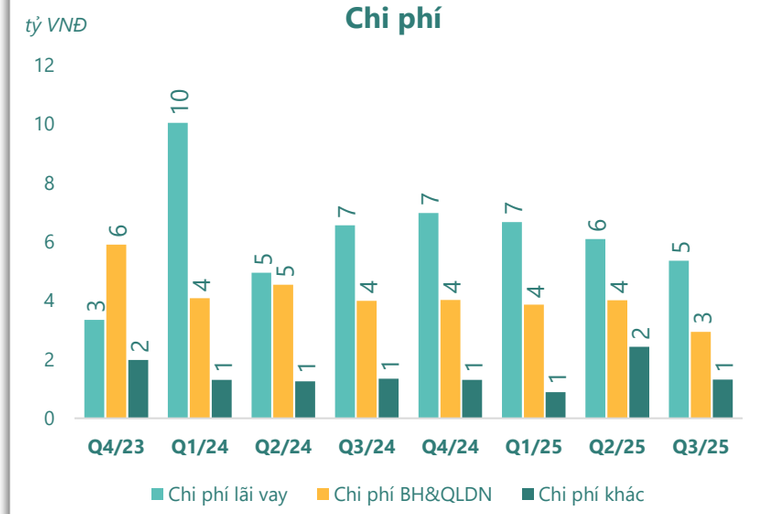
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



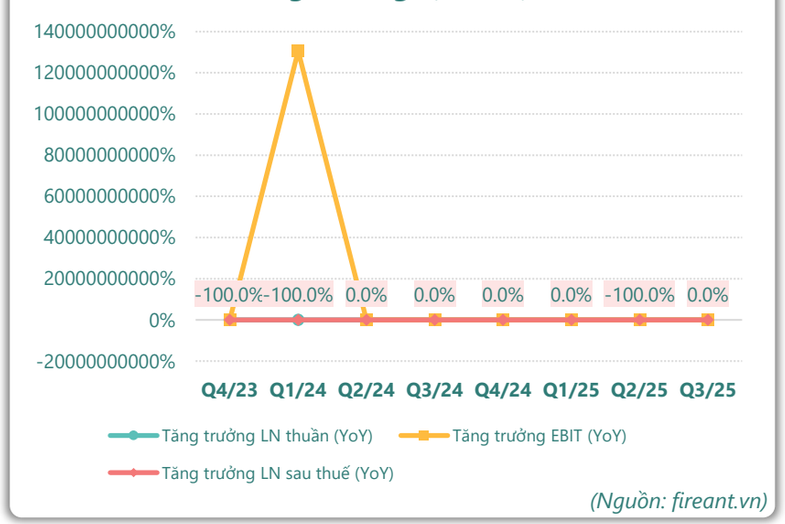
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



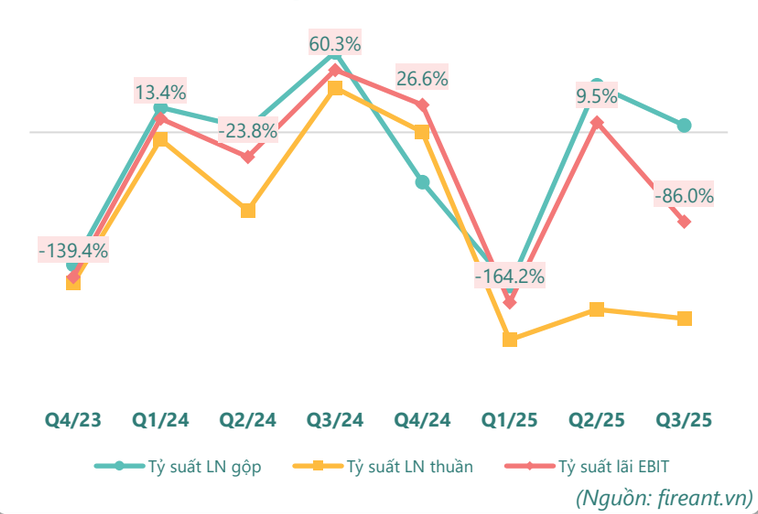
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



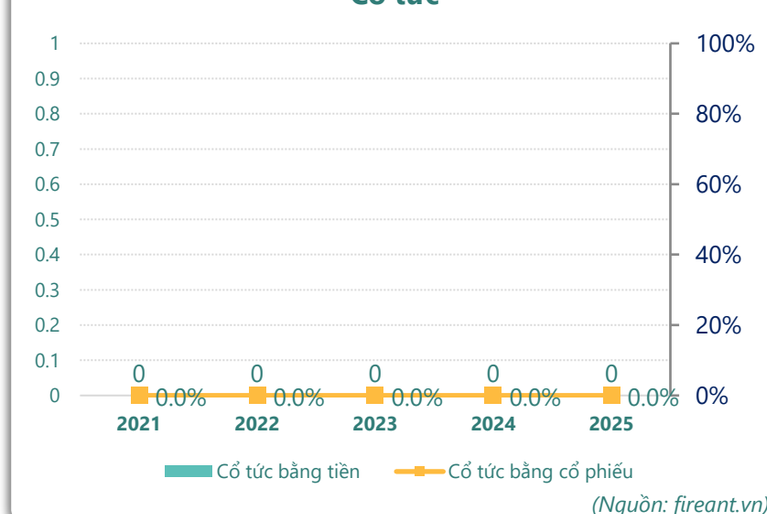
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

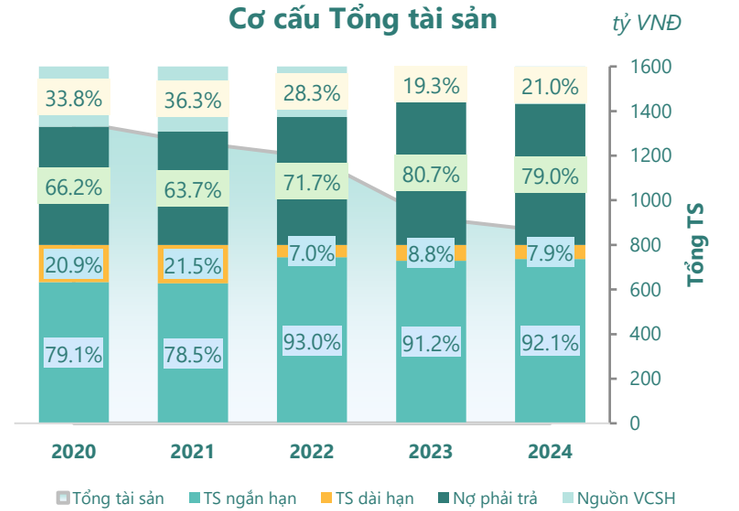
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

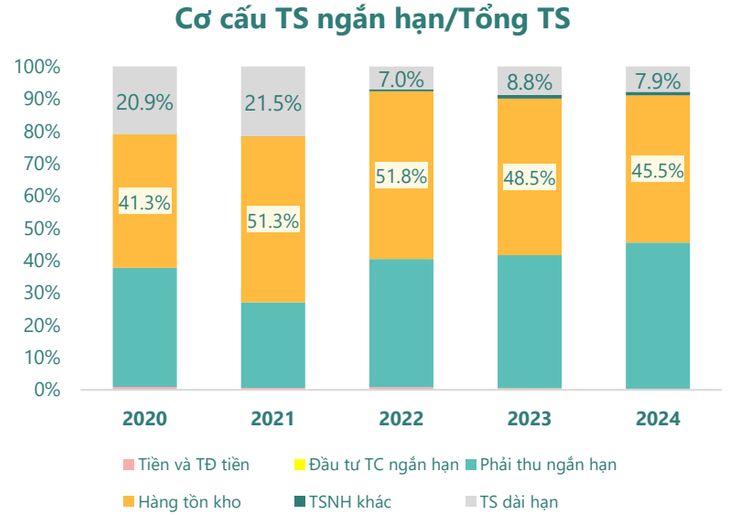
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



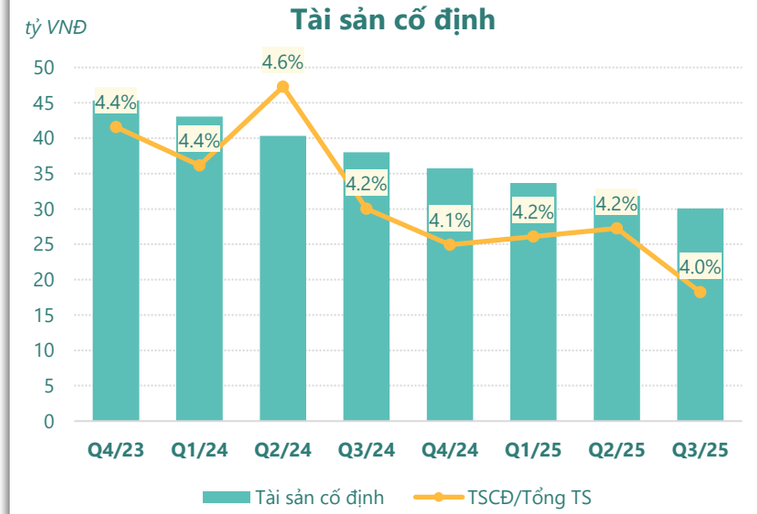
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



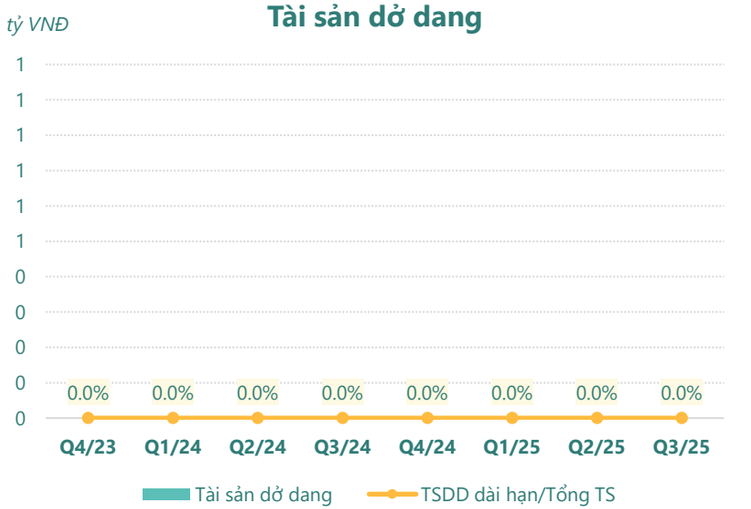
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



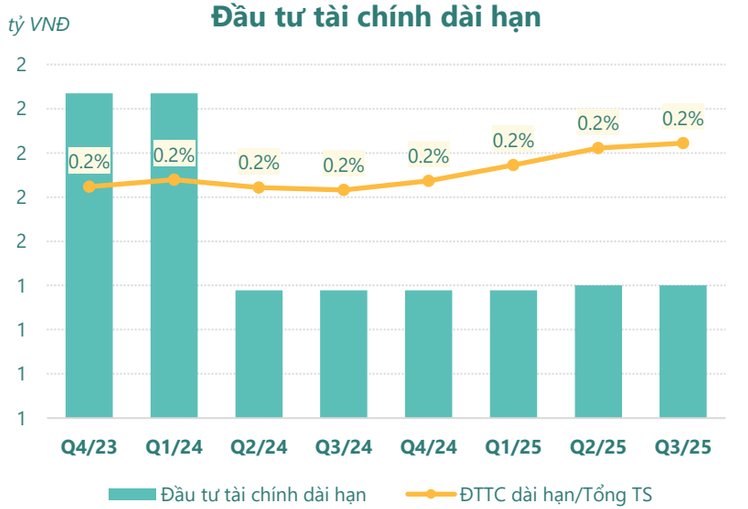
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



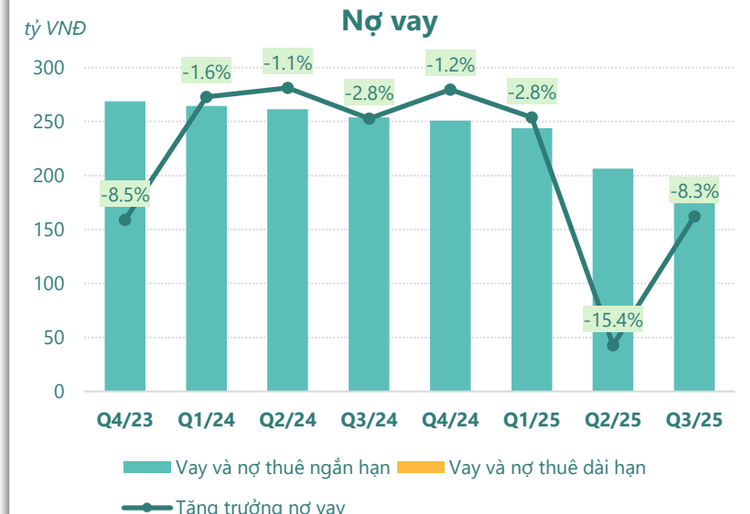
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

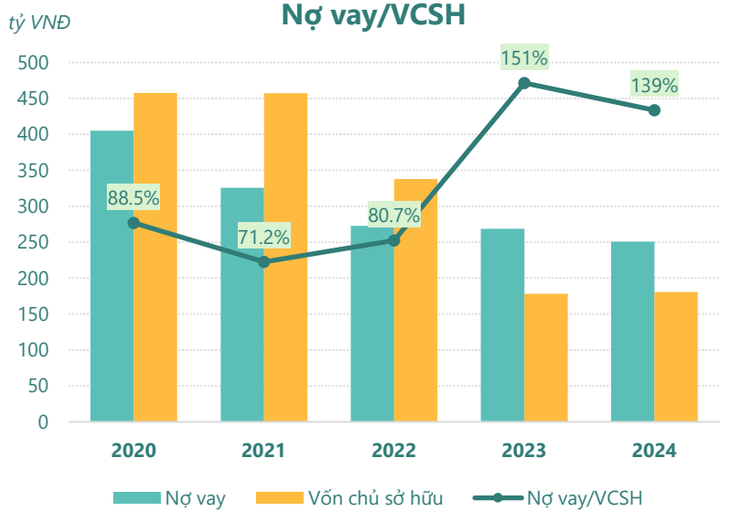
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

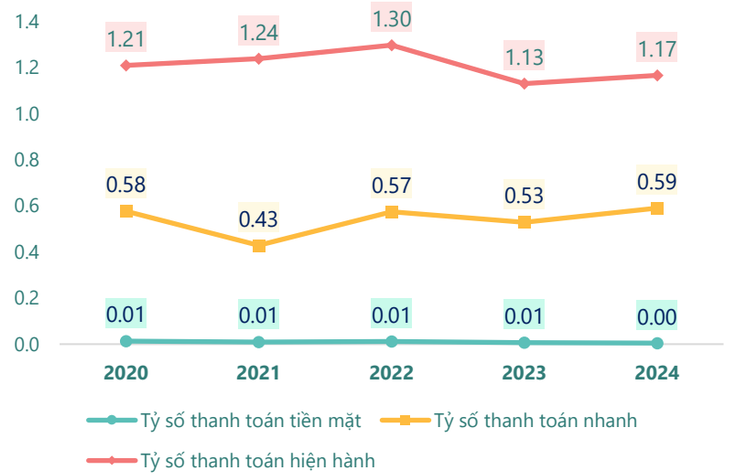
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



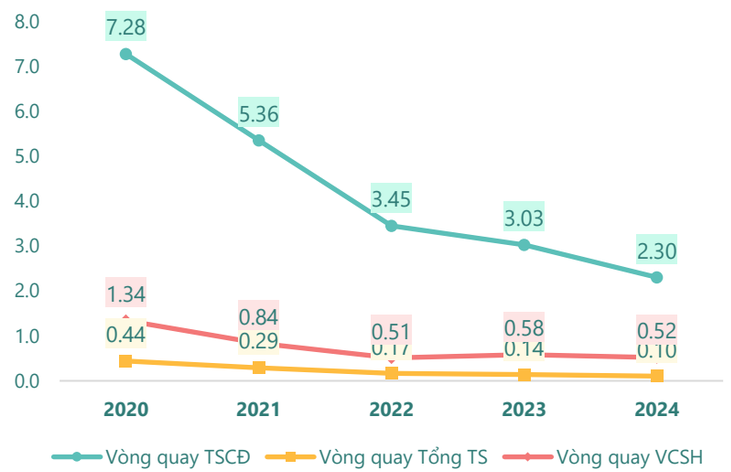
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



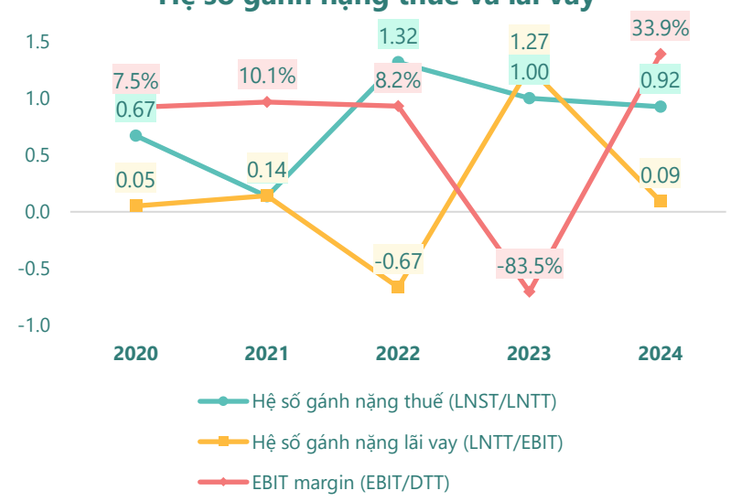
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



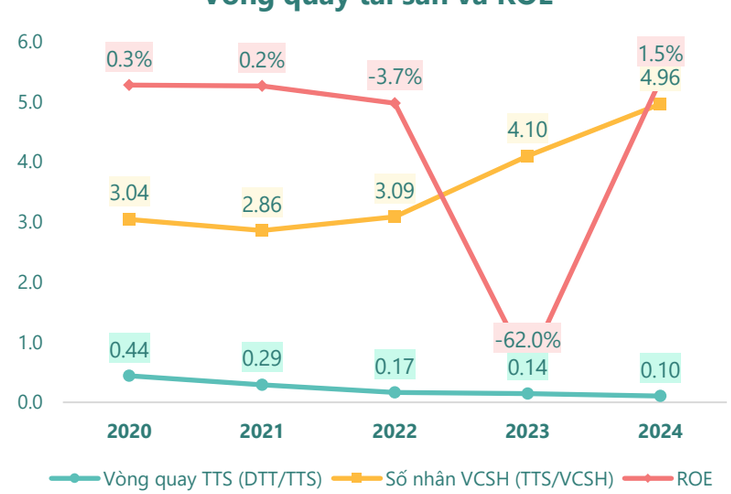
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



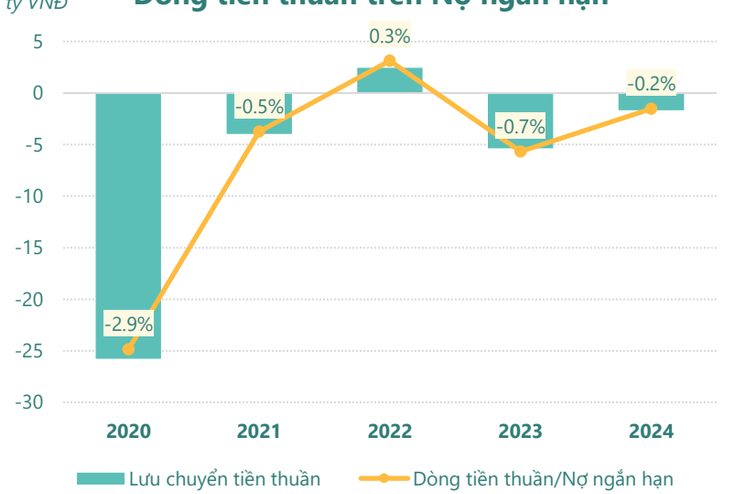
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.44**	**30.9**	**-85.6%**	**28.8**	**88.6**	**-67.5%**
Giá vốn hàng bán	4.14	7.05	-41.3%	56.9	53.3	6.8%
Lợi nhuận gộp	0.31	23.8	-98.7%	-28.1	35.3	-180%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00		2.00	0.00	64682%
Chi phí TC	5.36	6.57	-18.4%	18.6	21.6	-13.8%
Chi phí lãi vay	5.36	6.57	-18.4%	18.1	21.6	-15.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.94**	**3.99**	**-26.3%**	**10.8**	**12.6**	**-14.2%**
LN thuần từ HĐKD	-7.98	13.3	-160%	-55.5	1.12	-5039%
Lợi nhuận khác	**-1.20**	**-1.23**	**2.8%**	**0.52**	**-0.82**	**163%**
LN trước thuế	-9.18	12.0	-176%	-55.0	0.30	-18259%
Lợi nhuận sau thuế	**-9.18**	**12.0**	**-176%**	**-55.0**	**0.08**	**-65866%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-9.18**	**12.0**	**-176%**	**-55.0**	**0.08**	**-65866%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.14	7.09	2.09	13.2	30.4	24.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.34	0.10	1.32	1.78	0.20	0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.84	-8.08	-3.32	-7.54	-37.0	-17.0
Tiền đầu kỳ	3.00	3.64	2.75	3.13	10.5	4.10
Lưu chuyển tiền thuần	**0.64**	**-0.89**	**0.09**	**7.42**	**-6.45**	**6.96**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.64	2.75	2.83	10.5	4.10	11.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**746**	**860**	**-13.3%**
Tài sản ngắn hạn	683	792	-13.8%
Tiền và tương đương tiền	11.1	3.13	253%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	310	389	-20.3%
Hàng tồn kho	352	391	-10.2%
Tài sản ngắn hạn khác	10.2	8.92	14.6%
Tài sản dài hạn	**63.3**	**67.8**	**-6.6%**
Phải thu dài hạn	25.4	30.7	-17.1%
Tài sản cố định	30.0	35.7	-15.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.45	1.44	0.4%
Tài sản dài hạn khác	**6.41**	**0.01**	**56022%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	620	679	-8.7%
Nợ ngắn hạn	**620**	**679**	**-8.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	189	251	-24.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	111	126	-12.0%
Nợ dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**126**	**181**	**-30.4%**
Vốn chủ sở hữu	**126**	**181**	**-30.4%**
Vốn điều lệ	348	348	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)